

KẾ HOẠCH
Giáo dục nhà trường năm học 2025-2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đổi mới chương trình, Sách giáo khoa phổ thông”;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

Thực hiện Quyết định số 3261/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ vào tình hình thực tế nhà trường, Trường tiểu học Đào Phúc Lộc xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường năm 2025-2026, cụ thể như sau:

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2025 - 2026

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa địa phương

1.1 Khái quát chung

Phường Móng Cái 1 được thành lập trên cơ sở sáp nhập các đơn vị hành chính: Trần Phú, Hải Hòa, Trà Cổ, Bình Ngọc, Hải Xuân (trong đó Hòa Lạc đã nhập với Trần Phú từ trước). Đây là phường trung tâm của thành phố Móng Cái (cũ), có vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế – xã hội – quốc phòng – an ninh khi vừa giáp biển, vừa tiếp giáp nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Phường có diện tích tự nhiên rộng, gồm cả khu vực đô thị, ven biển và biên giới, với nhiều mốc giới quan trọng, nổi bật như mốc 1368, 1369. Cơ cấu dân cư đa dạng, gồm các hộ dân làm nghề thương mại, dịch vụ, công chức, cùng với cộng đồng ngư dân ven biển có truyền thống lâu đời.

2.2. Kinh tế

Thương mại – dịch vụ – cửa khẩu: Nằm gần cửa khẩu quốc tế Móng Cái, phường có lợi thế phát triển thương mại biên giới, dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn. Các khu phố Trần Phú, Hải Hòa tập trung nhiều hộ kinh doanh, dịch vụ hiện đại.

Du lịch biển – sinh thái: Trà Cổ và Hải Hòa là điểm đến nổi tiếng trong nước và quốc tế với bãi biển dài, đẹp; nhiều nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ vui chơi giải trí được đầu tư, thúc đẩy phát triển du lịch bền vững.

Nông – ngư nghiệp: Người dân ở Bình Ngọc, Hải Xuân, Trà Cổ vẫn duy trì nghề khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy hải sản. Đây vừa là nguồn thu nhập chính, vừa góp phần đa dạng kinh tế hộ gia đình.

Đầu tư – hạ tầng: Chính quyền địa phương chú trọng xây dựng, nâng cấp hạ tầng đô thị, giao thông, các khu dân cư mới, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội.

3.3. Xã hội

Dân số – lao động: Dân cư đông, có cơ cấu lao động đa dạng, từ công nhân, cán bộ, viên chức đến ngư dân, thương nhân. Đời sống nhân dân không ngừng được nâng cao.

Giáo dục – đào tạo: Trên địa bàn có nhiều cơ sở giáo dục các cấp, trong đó có Trường Tiểu học Đào Phúc Lộc với 1.037 học sinh và 28 lớp. Các trường học được quan tâm đầu tư về cơ sở vật chất, từng bước chuẩn hóa và hiện đại hóa, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Y tế – an sinh xã hội: Có trạm y tế phường và các cơ sở y tế tư nhân, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Các chính sách an sinh, giảm nghèo, chăm lo gia đình chính sách, trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi được thực hiện tốt.

Đô thị – hạ tầng xã hội: Hệ thống đường giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc được cải thiện rõ rệt. Các khu phố có nhà văn hóa, sân thể thao, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng.

4.4. Văn hóa – truyền thống

Di sản văn hóa: Nổi bật là Lễ hội đình Trà Cổ – di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, cùng nhiều lễ hội dân gian, nghi lễ của cộng đồng ngư dân ven biển.

Đời sống tinh thần: Người dân có truyền thống đoàn kết, gắn bó, hiếu học, yêu quê hương. Các phong trào văn hóa – văn nghệ, thể dục thể thao phát triển mạnh, tạo môi trường sống lành mạnh.

Hội nhập – giao lưu quốc tế: Với vị trí biên giới, nhân dân phường Móng Cái 1 có nhiều cơ hội giao lưu văn hóa, thương mại với nhân dân Trung Quốc, góp phần hình thành nếp sống năng động, hiện đại, nhưng vẫn giữ gìn bản sắc địa phương.

5.5. Tác động đến giáo dục

Sự phát triển kinh tế – xã hội tạo điều kiện thuận lợi cho giáo dục: phụ huynh quan tâm đầu tư học tập cho con em, xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh.

Bên cạnh đó, cũng còn khó khăn: một bộ phận phụ huynh làm nghề biển, lao động xa, ít có điều kiện kèm cặp con học tập; học sinh có sự phân hóa về điều kiện sống.

Chính quyền và nhân dân địa phương có truyền thống hiếu học, luôn quan

tâm, đồng hành cùng nhà trường trong các phong trào thi đua dạy tốt – học tốt.

Công tác giáo dục và đào tạo luôn được cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm lãnh đạo chỉ đạo và đạt kết quả cao; Tỷ lệ huy động học sinh ra lớp đạt 100%, tỷ lệ học sinh lên lớp đạt 100%; Duy trì và giữ vững kết quả công tác phổ cập giáo dục và xóa mù chữ. Kết quả: Phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục Mầm non, đạt phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ: 3, đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3, đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ: 2.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025 -2026

2.1. Đặc điểm học sinh nhà trường.

Trường Tiểu học Đào Phúc Lộc được thành lập từ năm học 2000. Ngay trong năm học đầu tiên, nhà trường đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ I (năm 2000). Đến năm 2011, trường được công nhận lại chuẩn quốc gia mức độ I giai đoạn 2011 – 2015; và đến tháng 9/2017, trường tiếp tục được công nhận lại đạt chuẩn quốc gia mức độ I giai đoạn 2017 – 2022. Đây là những dấu mốc quan trọng, khẳng định sự phát triển bền vững của nhà trường về quy mô, chất lượng và uy tín trong cộng đồng.

Trong năm học 2024 – 2025, trường Tiểu học Đào Phúc Lộc vinh dự đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, thể hiện sự nỗ lực, đoàn kết và tinh thần trách nhiệm của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường.

Hiện nay, nhà trường có 1037 học sinh, được biên chế thành 28 lớp học. Quy mô số lớp và số học sinh tương đối ổn định qua các năm, bảo đảm đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân trên địa bàn phường Móng Cái 1. Học sinh phần lớn là con em các gia đình cán bộ, công chức, viên chức, tiểu thương, lao động dịch vụ, ngư dân... thể hiện tính đa dạng về thành phần xã hội.

So với năm học trước tăng 41 hs.

Khối	TS		Nam	Nữ	Dân tộc		ĐDT	K.Tật	Ghi chú
	Lớp	HS			TS	Nữ			
1	6	236	117	119	7	3		1	
2	5	197	109	88	5	3		2	
3	5	195	99	96	3	1		5	
4	6	183	99	84	7	4		4	
5	6	226	107	119	4	3		1	
Cộng	28	1037	531	506	26	14		13	

Thuận lợi

Học sinh của nhà trường đa số ngoan ngoãn, chăm chỉ, hiếu học, có ý thức rèn luyện đạo đức và kỹ năng sống.

Được thừa hưởng truyền thống hiếu học của nhân dân địa phương, được gia đình quan tâm đầu tư học tập, tạo điều kiện học thêm các môn năng khiếu.

Học sinh năng động, tích cực tham gia các hoạt động tập thể, phong trào

Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh, các hoạt động văn hóa – thể thao, ngoại khóa.

Được học tập trong môi trường có cơ sở vật chất từng bước được chuẩn hóa, hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Khó khăn

Một bộ phận học sinh là con em tiêu thương hoặc lao động tự do, cha mẹ thường xuyên vắng nhà, ít có điều kiện kèm cặp, quan tâm sát sao đến việc học của con.

Điều kiện kinh tế của các hộ gia đình không đồng đều, dẫn đến sự chênh lệch về cơ hội học tập, rèn luyện kỹ năng.

Một số ít học sinh chưa thực sự chăm học, còn ham chơi, chưa có ý thức tự giác cao, cần sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình.

Đánh giá chung

Nhìn chung, học sinh Trường Tiểu học Đào Phúc Lộc có nền nếp, ngoan, lễ phép, chăm học, có ý thức rèn luyện kỹ năng và tham gia các hoạt động tập thể. Đây là điều kiện thuận lợi để nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua, đồng thời hướng tới mục tiêu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ cao hơn trong giai đoạn tới.

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

Năm học 2025 – 2026, Trường Tiểu học Đào Phúc Lộc được giao chỉ tiêu biên chế 44 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Thực tế, nhà trường hiện có 39 đồng chí, còn thiếu 05 so với biên chế được giao, ảnh hưởng đến việc bố trí giáo viên cho một số môn học đặc thù. Trong đó:

CBQL		Giáo viên			TPT	Nhân viên			Trình độ CB, GV, NV				
HT	HP	TS	B. Chế	Hợp đồng		VT-KT	T.Viện TBDH	Y tế	Trên ĐH	ĐH	CĐ	Trung cấp	Đảng viên
1	2	36	33	3	1	1	0	1	1	40	0	1	36

Đánh giá đội ngũ

Ưu điểm:

Đội ngũ cán bộ quản lý có kinh nghiệm, năng lực, sáng tạo, có khả năng điều hành và triển khai hiệu quả nhiệm vụ giáo dục.

Giáo viên có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với công việc; nhiều đồng chí có năng lực đổi mới phương pháp, ứng dụng CNTT, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giáo dục.

100% đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ chuyên môn; tập thể đoàn kết, thống nhất, có tinh thần hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau.

Tỷ lệ đảng viên cao, thuận lợi cho việc lãnh đạo chính trị tư tưởng và các hoạt động chuyên môn.

Hạn chế của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

Thiếu hụt nhân sự so với chỉ tiêu biên chế được giao

Nhà trường được giao 44 đồng chí, thực tế chỉ có 39 đồng chí, còn thiếu 05.

Sự thiếu hụt này tập trung chủ yếu ở các môn học đặc thù (Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Khoa học – Công nghệ) và nhân viên hỗ trợ (thư viện – thiết bị, văn thư).

Việc bố trí giáo viên kiêm nhiệm hoặc hợp đồng ngắn hạn chưa đảm bảo tính ổn định, ảnh hưởng đến việc duy trì chất lượng dạy học lâu dài.

Chưa có đủ nhân viên chuyên trách

Hiện chỉ có 02 nhân viên (Kế toán, Y tế học đường).

Chưa có nhân viên thư viện – thiết bị và văn thư theo quy định, dẫn đến việc quản lý hồ sơ, sổ sách, thiết bị dạy học chưa khoa học, còn dồn gánh nặng cho giáo viên kiêm nhiệm.

Một bộ phận giáo viên còn hạn chế về đổi mới phương pháp, ứng dụng CNTT

Một số giáo viên lớn tuổi, đã quen dạy học theo lối truyền thống, còn khó khăn trong sử dụng phần mềm dạy học, học liệu điện tử, phương pháp tổ chức hoạt động theo hướng phát triển năng lực học sinh.

Điều này làm cho chất lượng dạy học ở các lớp chưa đồng đều, đặc biệt ở các hoạt động trải nghiệm, STEM, và các môn mới trong chương trình GDPT 2018.

Cơ cấu môn học chưa hợp lý, thiếu giáo viên chuyên sâu

Các môn năng khiếu, kỹ năng (Âm nhạc, GDTC, Khoa học – Công nghệ) chưa có giáo viên biên chế chính thức, phải hợp đồng hoặc kiêm nhiệm.

Chất lượng giảng dạy các môn này còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển toàn diện học sinh theo định hướng mới.

Nguyên nhân hạn chế

Khách quan:

Chính sách biên chế, tuyển dụng giáo viên và nhân viên còn hạn hẹp, chưa kịp thời bổ sung đủ cho các trường tiểu học.

Một số môn học mới (Khoa học – Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ) yêu cầu giáo viên chuyên biệt nhưng nguồn tuyển dụng khó khăn, thiếu hụt trên toàn địa bàn.

Chủ quan:

Một bộ phận giáo viên lớn tuổi chậm thích ứng với yêu cầu đổi mới, cần thêm thời gian và sự hỗ trợ trong việc bồi dưỡng CNTT, phương pháp dạy học tích cực.

Công tác xã hội hóa giáo dục trong việc bổ sung nhân viên thư viện, thiết bị chưa được khai thác triệt để.

Định hướng khắc phục

Kiến nghị UBND phường Móng Cái 1 tiếp tục quan tâm, bổ sung biên chế cho các môn còn thiếu, nhất là GDTC, Âm nhạc, Khoa học – Công nghệ, đồng

thời bố trí thêm nhân viên thư viện – thiết bị, văn thư.

Nhà trường chủ động hợp đồng tạm thời giáo viên và nhân viên còn thiếu để đảm bảo kế hoạch giáo dục năm học.

Tăng cường tổ chức bồi dưỡng, tập huấn CNTT, chuyển đổi số, đổi mới phương pháp dạy học cho giáo viên, đặc biệt là giáo viên lớn tuổi.

Phát huy nội lực của tập thể sư phạm, thực hiện tốt công tác kiêm nhiệm có hỗ trợ, có phân công rõ ràng, nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng giáo dục.

Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, huy động sự hỗ trợ của phụ huynh, cộng đồng trong việc trang bị thêm học liệu, thiết bị dạy học.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; cơ sở vật chất thực hiện bán trú

Trường Tiểu học Đào Phúc Lộc hiện có hệ thống cơ sở vật chất kiên cố, khang trang, hiện đại, gồm 02 khu nhà chính: khu 5 tầng mới xây và khu 3 tầng hiện có, đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và triển khai chương trình GDPT 2018.

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Phòng học: Toàn trường có 28 phòng học kiên cố với diện tích từ 55,5 m² – 64 m²/phòng, đủ cho 28 lớp/1037 học sinh, bảo đảm 1 lớp/1 phòng. Tất cả phòng học đều có bàn ghế đúng chuẩn, bảng chống lóa, quạt, đèn chiếu sáng, cửa sổ thoáng mát, hệ thống điện nước an toàn.

Phòng bộ môn, chức năng: Có đầy đủ các phòng chuyên biệt: Âm nhạc (83,9 m²), Mỹ thuật (64 m²), Ngoại ngữ (2 phòng, 55,5 m²/phòng), Tin học (2 phòng, 55,5 m²/phòng), Khoa học – Công nghệ (64 m²), phòng đa chức năng (55,5 m²), phòng trải nghiệm... Các phòng này cơ bản đã được trang bị dụng cụ, thiết bị dạy học, bước đầu đáp ứng yêu cầu chương trình GDPT 2018.

Thư viện và học liệu: Có thư viện (64 m²), phòng đọc học sinh (84 m²), kho sách (55 m²); thư viện đạt chuẩn, có bàn đọc, giá sách, tủ sách dùng chung, đang được bổ sung thêm học liệu điện tử.

Khu làm việc, hỗ trợ: Có phòng hiệu bộ (3 phòng), phòng kế toán, phòng đoàn thể, phòng nghỉ giáo viên (27 m²), phòng chờ giáo viên, 3 phòng giáo viên (27 m²/phòng), hội trường, phòng kho... đáp ứng công tác quản lý và sinh hoạt chuyên môn.

Cơ sở vật chất phục vụ bán trú

Hiện nay, nhà trường có tổ chức bán trú cho học sinh nhưng còn hạn chế về cơ sở vật chất:

Bếp ăn và phòng ăn riêng: Chưa có khu bếp ăn, cũng chưa có phòng ăn riêng biệt. Nhà trường hiện đang phối hợp với phụ huynh và đơn vị cung cấp dịch vụ để đảm bảo bữa ăn trưa cho học sinh theo hình thức suất ăn chế biến sẵn, vận chuyển đến trường.

Phòng nghỉ bán trú: Học sinh nghỉ trưa tại các phòng học, được bố trí giường tầng hoặc chiếu nghỉ tùy điều kiện. Các phòng đều có quạt mát, rèm chắn sáng, bảo đảm an toàn, thoáng mát.

Khu vệ sinh, nước sạch: Có công trình vệ sinh riêng cho học sinh nam, nữ; có hệ thống nước sạch, bồn rửa tay, đảm bảo vệ sinh học đường.

Đánh giá chung

Ưu điểm:

Nhà trường có hệ thống phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng đạt chuẩn, đủ điều kiện tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

Tổ chức bán trú đảm bảo an toàn cho học sinh, có phòng nghỉ và khu vệ sinh đầy đủ, sạch sẽ.

Hạn chế:

Chưa có khu bếp ăn và phòng ăn bán trú riêng theo đúng quy định, ảnh hưởng đến việc tổ chức bán trú khoa học, lâu dài.

Cần tiếp tục đầu tư CSVC, trang thiết bị chuyên dùng cho bán trú để nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh.

II. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025- 2026

1. Mục tiêu chung:

Trường Tiểu học Đào Phúc Lộc phấn đấu thực hiện toàn diện mục tiêu:

Thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho năm học 2025–2026, gắn với chủ đề của ngành giáo dục là: *“Kỷ cương – Sáng tạo – Đột phá – Phát triển”*

Củng cố, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, bảo đảm thực hiện đầy đủ chương trình GDPT 2018 theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh

Xây dựng và duy trì môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng ngừa bạo lực học đường, đảm bảo sức khỏe, phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần.

Đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất và sáng tạo của học sinh .

Phát huy vai trò của chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy học và chia sẻ giáo dục; xây dựng môi trường học tập số, lớp học mở, ngân hàng đề thi, bài giảng số...

Đẩy mạnh công tác phát triển, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý, đặc biệt chú trọng đổi mới năng lực chuyên môn và ứng dụng công nghệ giáo dục; khắc phục tình trạng thiếu giáo viên các môn đặc thù, tăng cường huy động nguồn lực tại chỗ .

Nâng cao hiệu quả hợp tác giữa nhà trường – gia đình – xã hội, huy động sự quan tâm, hỗ trợ của cộng đồng trong giáo dục và xây dựng cơ sở vật chất – trang thiết bị dạy học

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về học sinh

100% học sinh được học tập, rèn luyện trong môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện.

100% học sinh được đánh giá, xếp loại theo quy định của Chương trình GDPT 2018.

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 99,8%; trong đó $\geq 80\%$ học sinh hoàn thành tốt các nội dung học tập và rèn luyện.

100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học, đủ điều kiện vào lớp 6.

100% học sinh được rèn luyện kỹ năng sống cơ bản: kỹ năng tự phục vụ, giao tiếp, hợp tác, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông.

Tổ chức ít nhất 02 hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp/khỏi/năm, gắn với thực tiễn địa phương và định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

2.2. Về chất lượng dạy học và giáo dục

Duy trì, nâng cao chất lượng dạy học 2 buổi/ngày, đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng cho học sinh.

Đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực; tăng cường dạy học phân hóa, dạy học tích hợp.

100% các môn học đặc thù (Âm nhạc, Mỹ thuật, GDTC, Tin học, Ngoại ngữ, Khoa học – Công nghệ) được giảng dạy theo đúng quy định của Chương trình GDPT 2018.

Tổ chức các hoạt động nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện: hoạt động trải nghiệm, giáo dục STEM, thư viện xanh, hoạt động ngoài giờ lên lớp.

2.3. Về đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

100% CBQL, GV, NV đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định, trong đó trên 50% giáo viên đạt mức **Tốt** trở lên.

100% CBQL, GV, NV thực hiện tốt quy định đạo đức nhà giáo, xây dựng hình ảnh người thầy mẫu mực.

Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, ứng dụng CNTT, chuyên đổi số; tối thiểu 70% giáo viên biết thiết kế, sử dụng học liệu số và ứng dụng công nghệ giáo dục trong giảng dạy.

Tổ chức ít nhất 02 đợt tập huấn/bồi dưỡng/năm học cho giáo viên về đổi mới phương pháp, kiểm tra đánh giá, sử dụng thiết bị dạy học hiện đại.

2.4. Về công tác quản lý, điều hành

Thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ cơ sở, nâng cao kỷ luật, kỷ cương, hiệu quả quản lý nhà trường.

Đẩy mạnh chuyển đổi số: sử dụng hồ sơ quản lý điện tử, sổ điểm điện tử, khai thác hiệu quả học liệu số.

100% hồ sơ, sổ sách quản lý và dạy học được cập nhật đúng quy định, ứng dụng phần mềm quản lý giáo dục.

Quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; có kế hoạch bổ sung, nâng cấp các phòng bộ môn, thư viện, thiết bị CNTT.

2.5. Về các hoạt động, phong trào thi đua

Tiếp tục triển khai sâu rộng các phong trào: “*Xây dựng trường học đạt chuẩn về cảnh quan vệ sinh môi trường*”, “*Mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*”.

Tổ chức các cuộc thi, hội thi giao lưu, sân chơi trí tuệ, hội khỏe Phù Đổng, hoạt động văn nghệ – thể thao, góp phần rèn luyện kỹ năng và phát triển năng khiếu.

Phấn đấu đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc, Chi bộ đạt Trong sạch vững mạnh, Liên đội đạt Vững mạnh xuất sắc.

III. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục (PL.1.1)

Nội dung giáo dục	Số tiết/ tuần									
	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
	<i>HK1</i> <i>18</i> <i>tuần</i>	<i>HK2</i> <i>17</i> <i>tuần</i>	<i>HK1</i> <i>18</i> <i>tuần</i>	<i>HK2</i> <i>17</i> <i>tuần</i>	<i>HK1</i> <i>18</i> <i>tuần</i>	<i>HK2</i> <i>17</i> <i>tuần</i>	<i>HK1</i> <i>18</i> <i>tuần</i>	<i>HK2</i> <i>17</i> <i>tuần</i>	<i>HK1</i> <i>18</i> <i>tuần</i>	<i>HK2</i> <i>17</i> <i>tuần</i>
Tiếng Việt	216	204	180	170	126	119	126	119	126	119
Toán	54	51	90	85	90	85	90	85	90	85
Tiếng Anh	0	0	0	0	72	68	72	68	72	68
Đạo đức	18	17	18	17	18	17	18	17	18	17
TN&XH	36	34	36	34	36	34	0	0	0	0
LS&ĐL	0	0	0	0	0	0	36	34	36	34
Khoa học	0	0	0	0	0	0	36	34	36	34
Tin học	0	0	0	0	18	17	18	17	18	17
Công nghệ	0	0	0	0	18	17	18	17	18	17
GDTC	36	34	36	34	36	34	36	34	36	34
Âm nhạc	18	17	18	17	18	17	18	17	18	17
Mỹ thuật	18	17	18	17	18	17	18	17	18	17
HĐTN	54	51	54	51	54	51	54	51	54	51
Môn học tự chọn										
Ngoại ngữ	18	17	18	17	0	0	0	0	0	0
TC toán	54	51	54	51	36	34	18	17	18	17

TC Tiếng Việt	54	51	54	51	36	34	18	17	18	17
Tổng /năm										
Số tiết học kỳ	576	544	576	544	576	544	576	544	576	544

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học (1.2.):

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	Khám phá bản thân	Tuần 0: Khai giảng năm học mới	Tìm hiểu về nhà trường	Tiết 2, ngày 5/9	BGH, HS, TPT	GVCN
		Tuần 1: Nụ cười thân thiện	Diễn hài	Tiết 1, ngày 8/9	GV, HS khối 5	PHT, TPT, Đoàn TN
		Tuần 2: Tay khéo tay đảm	Giới thiệu nghề thủ công	Tiết 1, ngày 16/9	GV, HS khối 3	PHT, TPT, Đoàn TN
		Tuần 3: Vui trung thu	Thi vẽ mặt nạ, múa lân, thi thể thao	Tiết 1, ngày 23/9	GV, HS khối 4	PHT, TPT, Đoàn TN
Tháng 10	Rèn nếp sống	Tuần 4: Góc học tập của em	Thi hát, đọc thơ về đồ dùng học tập	Tiết 1, ngày 30/9	GV, HS khối 2	PHT, TPT, Đoàn TN
		Tuần 5: Phát động Hội học - Hội giảng	Trò chơi	Tiết 1, ngày 07/10	BGH, TPT	CT công Đoàn, Đoàn TN
		Tuần 6: Gọn gàng ngăn nắp	Biểu diễn tiểu phẩm “Đồ dùng ở đâu?”	Tiết 1, ngày 14/10	GV, HS khối 1	PHT, TPT, Đoàn TN
		Tuần 7: Quý trọng đồng tiền	Chia sẻ: Người tiêu dùng thông minh	Tiết 1, ngày 21/10	GV, HS khối 5	PHT, TPT, Đoàn TN
		Tuần 8: Biết ơn thầy cô	Hội diễn văn nghệ	Tiết 1, ngày 28/10	GV, HS khối 4	PHT, TPT, Đoàn TN
Tháng 11	Em yêu trường em	Tuần 9: Biết ơn thầy cô	Hội diễn văn nghệ	Tiết 1, ngày 04/11	GV, HS khối 3; 2	PHT, TPT, Đoàn TN
		Tuần 10: Biết ơn thầy cô	Hội diễn văn nghệ	Tiết 1, ngày 11/11	GV, HS khối 1; 5	PHT, TPT, Đoàn TN
		Tuần 11: Biết ơn thầy cô	Hội diễn văn nghệ	Tiết 1, ngày 18/11	GV, HS khối 4	PHT, TPT, Đoàn TN

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia	
		Tuần 12: Trường học hạnh phúc	Giới thiệu và phát động cuộc thi vẽ “Ngôi trường mơ ước”	Tiết 1, ngày 25/11	GV, HS khối 3	PHT, TPT, Đoàn TN	
Tháng 12	Tự phục vụ bản thân	Tuần 13: Em tự làm lấy việc của mình	Biểu diễn Tiểu phẩm	Tiết 1, ngày 02/12	GV, HS khối 2	PHT, TPT, Đoàn TN	
		Tuần 14: Em học tập chú bộ đội	Giao lưu, trò chơi	Tiết 1, ngày 09/12	GV, HS khối 1	PHT, TPT, Đoàn TN	
		Tuần 15: Trang phục của em	Trình diễn thời trang “Vẻ đẹp học sinh”	Tiết 1, ngày 16/12	GV, HS khối 5	PHT, TPT, Đoàn TN	
		Tuần 16: Cặp sách của em	Biểu diễn tiểu phẩm	Tiết 1, ngày 23/12	GV, HS Khối 2	PHT, TPT, Đoàn TN	
Tháng 1	Gia đình thân thương	Tuần 17: Bữa cơm gia đình	Biểu diễn tiểu phẩm	Tiết 1, ngày 30/12	GV, HS khối 4	PHT, TPT, Đoàn TN	
		Tuần 18: Người trong một nhà	Sân khấu hóa tác phẩm về gia đình	Tiết 1, ngày 06/01	GV, HS khối 3	PHT, TPT, Đoàn TN	
		Tuần 19: Câu lạc bộ (HK2)	Biểu diễn của câu lạc bộ Nhảy	Tiết 1, ngày 13/01	GV, HS CLB	PHT, TPT, Đoàn TN	
		Tuần 20: Ngoại khoá” Tết đoàn viên”	Gói bánh chưng	Tiết 1, ngày 20/01	Gv, HS toàn trường	PHT, TPT, CĐ, Đoàn TN	
Tháng 2	Môi trường quanh em						
		Tuần 21: Cảnh đẹp quê em	Hát, đọc thơ về quê hương đất nước	Tiết 1, ngày 10/02	GV, HS khối 4	PHT, TPT, Đoàn TN	
		Nghỉ Tết Nguyên Đán: Từ ngày 16/02/2026 đến hết ngày 28/02/2026					
		Tuần 22: Bảo vệ cảnh quan quê em	Phát động phong trào: “Chung tay bảo vệ cảnh quan quê em”	Tiết 1, ngày 02/03	GV, HS khối 3	PHT, TPT, Đoàn TN	
		Tuần 23: Vệ sinh trường lớp	Tổng vệ sinh toàn trường	Tiết 1, ngày 09/03	GV, HS toàn trường	TPT Đội, GVCN	

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia	
Tháng 3	Tự chăm sóc bảo vệ bản thân	Tuần 24: Chào mừng ngày QTPN (8/3)	Hái hoa dân chủ	Tiết 1, ngày 16/3	GV, HS khối 1	PHT, TPT, Đoàn TN	
		Tuần 25: Tự chăm sóc bảo vệ bản thân	Phát động phong trào: “Vì tầm vóc Việt”.	Tiết 1, ngày 23/3	GV, HS khối 4	PHT, TPT, Đoàn TN	
		Tuần 26: Bảo vệ sức khỏe	Hướng dẫn các cách phòng dịch thông thường, trò chơi	Tiết 1, ngày 30/3	Cán bộ y tế	PHT, TPT, Đoàn TN	
		Tuần 27: Phòng tránh bị xâm hại	Tiểu phẩm	Tiết 1, ngày 06/4	GV, HS khối 5	PHT, TPT, Đoàn TN	
Tháng 4	Chia sẻ cộng đồng	Tuần 28: Tôi luôn bên bạn	Kể chuyện	Tiết 1, ngày 13/4	GV, HS khối 3	PHT, TPT, Đoàn TN	
		Nghỉ lễ 30/4					
		Tuần 30: Chia sẻ khó khăn với người khuyết tật	Tiểu phẩm	Tiết 1, ngày 20/4	GV, HS khối 4	PHT, TPT, Đoàn TN	
		Tuần 31: VS trường lớp	Tổng VS toàn trường	Tiết 1, ngày 27/4	GV, HS Toàn trường	TPT, Đoàn TN	
		Tuần 32: Giải phóng MN thống nhất đất nước	Hái hoa dân chủ	Tiết 1, ngày 04/5	GV, HS Toàn trường	TPT, Đoàn TN	
		Tháng 5	Bác Hồ kính yêu	Tuần 33: Tìm hiểu về Bác Hồ	Hái hoa dân chủ.	Tiết 1, ngày 11/5	GV, HS Toàn trường
Tuần 34: Bác Hồ với Thiếu nhi	Hái hoa dân chủ (Ngày thành lập Đội TNTPHCM)			Tiết 1, ngày 18/5	GV, HS Toàn trường	TPT, Đoàn TN	
Tuần 35: Làm theo lời bác	Rung chuông vàng			Tiết 1, ngày 25/5	GV, HS Toàn trường	TPT, Đoàn TN	

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường.

a) Tổ chức bán trú: Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế, có sự thống nhất, tự nguyện của học sinh, cha mẹ học sinh và theo các quy định, hướng dẫn của cơ quan quản lý. Các hoạt động bán trú được tổ chức trong khoảng thời gian từ sau giờ học buổi sáng (*Từ 10 giờ 30 phút đến trước khi bắt đầu giờ học buổi chiều 13 giờ 45 phút*); thông qua hoạt động bán trú góp phần rèn luyện học sinh về kỹ năng sống, các năng lực, phẩm chất cần thiết, tính kỷ luật, tự phục vụ, trách nhiệm, chia sẻ, yêu thương; việc tổ chức hoạt động bán trú cần linh hoạt, có thể bao gồm các hoạt động: tổ chức ăn trưa, ngủ trưa, vui chơi, giải trí,...; tổ chức ăn trưa, bán trú phải bảo đảm các quy định về an toàn, vệ sinh thực phẩm, bảo đảm dinh dưỡng, sức khỏe cho học sinh.

b) Tổ chức các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày: Là hoạt động dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ theo nhu cầu, sở thích của học sinh, trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về nhà; tạo điều kiện để học sinh vui chơi, giải trí sau giờ học chính thức trong ngày. Việc tổ chức hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày bảo đảm an toàn, hiệu quả, theo đúng mục tiêu đã đề ra được thực hiện trên cơ sở thống nhất, tự nguyện của học sinh, cha mẹ học sinh; theo các quy định, hướng dẫn của cơ quan quản lý và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Căn cứ vào nhu cầu học tập của học sinh, sự đồng thuận của cha mẹ học sinh và điều kiện thực tế của nhà trường. Trong năm học này nhà trường tiếp tục triển khai Đề án làm quen tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài cho học sinh toàn trường; khuyến khích học tiếng Anh qua môn Toán, môn Khoa học, truyện đọc tiếng Anh và các hoạt động trải nghiệm; tạo các sân chơi, giao lưu tiếng Anh; phát động phong trào giáo viên các môn học khác cùng tham gia học tiếng Anh với học sinh. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học tiếng Anh, đặc biệt khai thác tối đa và hiệu quả hệ thống sách mềm trên trang **sachmem.vn** trong giảng dạy chương trình tiếng Anh liên kết và chất lượng giảng dạy của trung tâm liên kết tại nhà trường.

Tiếp tục triển khai Đề án dạy Kỹ năng sống cho học sinh toàn trường;

3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025 -2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Thực hiện Quyết định số 3261/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;

- Thời gian tựu trường ngày 29/8/2025 (riêng đối với lớp 1 tựu trường ngày 22/08/2025 .

- Thời gian tổ chức khai giảng: Ngày 05/9/2024 .

- Ngày bắt đầu, ngày kết thúc học kỳ I, học kỳ II và ngày kết thúc năm học cụ thể như sau:

Stt	Học kì I (18 tuần thực học)		Học kì II (17 tuần thực học)		Kết thúc năm học
	Ngày bắt đầu HK	Ngày kết thúc HK	Ngày bắt đầu HK	Ngày kết thúc HK	
1.	05/9/2025 (Thứ Sáu)	09/01/2026 (Thứ Sáu)	12/01/2026 (Thứ Hai)	22/5/2026 (Thứ Sáu)	29/5/2026 (Thứ Sáu)

Trong quá trình thực hiện kế hoạch thời gian năm học, nhà trường sẽ bố trí lịch dạy học và các hoạt động giáo dục hợp lý; bố trí dạy bù những ngày nghỉ học đảm bảo tính khoa học.

Tại trường Tiểu học Đào Phúc Lộc, thời gian thực hiện chương trình năm học 2025 -2026 cụ thể đối với các khối lớp:

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

a) Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

1.1. Kiện toàn bộ máy và quy chế nội bộ

Thành lập/kiện toàn Tổ CSVC–Thiết bị–Thư viện do 01 PHT phụ trách; thành viên gồm kế toán, TTCM các môn, nhân viên y tế, TPT Đội, đại diện GVCN.

Ban hành Quy chế quản lý, khai thác CSVC & TBDH (mượn–trả, bảo quản, bảo trì, xử lý hư hỏng, trách nhiệm cá nhân; chế độ kiểm kê, báo cáo).

Thành lập/duy trì Ban An toàn trường học & PCCC; phân công rõ người chịu trách nhiệm từng tầng/khu.

1.2. Chuẩn hóa hồ sơ – số hóa quản lý tài sản

Lập Danh mục tài sản/thiết bị theo phòng; dán mã số/QR trên từng thiết bị; cập nhật vào sổ/ phần mềm quản lý.

Duy trì đầy đủ các sổ: Sổ tài sản, Sổ mượn–trả thiết bị, Sổ bảo trì–sửa chữa, Biên bản nghiệm thu–bàn giao.

Thiết lập mẫu phiếu mượn–trả 5 bước: đăng ký → bàn giao → sử dụng → kiểm tra sau sử dụng → hoàn trả/cập nhật.

1.3. Kế hoạch sử dụng phòng bộ môn – tối ưu công suất

Xây dựng Kế hoạch sử dụng phòng bộ môn theo tuần/học kỳ (Tin học, Ngoại ngữ, Âm nhạc, Mỹ thuật, Khoa học–Công nghệ, Đa chức năng, Trải nghiệm); công khai tại bảng tin và hệ thống trực tuyến nội bộ.

Chỉ tiêu sử dụng tối thiểu (để giám sát):

Tin học: mỗi lớp ≥ 1 tiết/tuần theo CT GDPT 2018.

Ngoại ngữ/Âm nhạc/Mỹ thuật: đảm bảo đúng số tiết CT; không dồn tiết.

Khoa học–Công nghệ: ≥ 2 hoạt động/khối/học kỳ (STEM/ thực hành).

Phòng đa năng: sử dụng cả sáng–chiều cho CLB, ngoại khóa theo kế hoạch.

Tổ chức đăng ký trực tuyến (Google Sheet/Forms) để tránh trùng lịch; TTCM theo dõi và điều phối.

1.4. Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ – xử lý hư hỏng

Lịch bảo trì: kiểm tra nhanh hàng tháng; vệ sinh thiết bị 2 lần/học kỳ; rà soát, thay thế vật tư hao mòn mỗi quý.

Quy trình xử lý hư hỏng: phát hiện → ghi sổ → báo Tổ CSVC → tạm dừng khai thác nếu mất an toàn → sửa chữa/ thay thế → nghiệm thu/ cập nhật hồ sơ.

Dự phòng vật tư thiết yếu (dây nguồn, chuột, phấn/bút, bóng đèn, quạt...) tại mỗi tầng/kho.

1.5. Bảo đảm an toàn, PCCC, vệ sinh trường học

Rà soát lối thoát nạn, biển báo, đèn chỉ dẫn; kiểm định bình chữa cháy đúng hạn; diễn tập PCCC & thoát nạn 2 lần/năm.

Kiểm tra an toàn điện–nước theo tầng; niêm yết quy trình tắt thiết bị cuối buổi.

Phối hợp nhân viên y tế triển khai quy trình vệ sinh lớp, phòng bộ môn, khu rửa tay; giám sát chất lượng không khí, ánh sáng theo phòng.

1.6. Quy định sử dụng CNTT và an toàn số

Ban hành Bộ quy tắc sử dụng phòng Tin học & thiết bị trình chiếu (tài khoản dùng chung, sao lưu dữ liệu, không cài phần mềm lạ, bản quyền).

Bảo vệ dữ liệu: đổi mật khẩu định kỳ, phân quyền truy cập học liệu; sao lưu bài giảng số của GV theo tổ/khối.

1.7. Nâng cao năng lực khai thác thiết bị

Tổ chức tập huấn theo cụm chuyên môn (mỗi học kỳ ≥ 01 đợt) về: sử dụng bảng tương tác/TV lớn, phòng thí nghiệm STEM, phần mềm dạy học, thư viện số.

Mỗi tổ chuyên môn xây dựng “01 kho bài giảng mẫu/khối/học kỳ” gắn với thiết bị sẵn có; sinh hoạt chuyên đề “1 thiết bị – 3 phương án khai thác”.

1.8. Quản lý, sử dụng tiết kiệm – xanh

Áp dụng Check-list tắt điện/thiết bị cuối tiết/cuối buổi; giao GVCN/ trực nhật ký xác nhận.

Triển khai phân loại rác, tiết kiệm nước; bảo quản rèm, cửa sổ để tận dụng ánh sáng tự nhiên.

1.9. Tổ chức bán trú trong điều kiện chưa có bếp/phòng ăn riêng

Xây dựng quy trình tiếp nhận suất ăn sẵn: kiểm tra nhà cung cấp, nhiệt độ, lưu mẫu 24 giờ, nhật ký bàn giao; bố trí ăn lịch ca, vệ sinh khử khuẩn trước–sau bữa ăn.

Phòng nghỉ trưa: bố trí giường/chiều, quạt, rèm; phân công giáo viên trực; lập sổ theo dõi sức khỏe; phối hợp y tế xử lý tình huống.

Lộ trình kiến nghị đầu tư: năm 2025–2026 hoàn thiện hồ sơ đề xuất bếp một chiều & phòng ăn; chuẩn bị mặt bằng/kỹ thuật cho giai đoạn tiếp theo.

1.9. Mua sắm, tiếp nhận, xã hội hóa minh bạch

Quy trình 6 bước: khảo sát nhu cầu → dự toán → phê duyệt → lựa chọn NCC → nghiệm thu → thanh quyết toán/cập nhật tài sản.

Huy động xã hội hóa (PHHS, doanh nghiệp địa phương) không ép buộc, công khai danh mục, giá trị, mục đích sử dụng; niêm yết công khai kết quả mua sắm/tiếp nhận.

1.10. Kiểm tra, giám sát và chỉ số theo dõi (KPI)

Tự kiểm tra hàng tháng; kiểm kê giữa năm & cuối năm; báo cáo CSVC theo mẫu kèm ảnh minh chứng.

KPI gợi ý để theo dõi:

≥ 95% phòng học, phòng bộ môn hoạt động tốt mỗi thời điểm;

≥ 90% lớp học dùng thiết bị trình chiếu/tuần;

Phòng Tin học: tỷ lệ HS/máy theo kế hoạch;

0 sự cố mất an toàn do điện–thiết bị;

Hoàn thành 100% bảo trì định kỳ đúng hạn.

b) Triển khai sách giáo khoa

Thực hiện nghiêm túc quy trình lựa chọn và sử dụng SGK theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Quảng Ninh và Phòng GD&ĐT Móng Cái; đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường và đặc điểm học sinh.

Đảm bảo cung ứng đầy đủ SGK cho học sinh ngay từ đầu năm học; không để xảy ra tình trạng thiếu, trễ SGK. Tổ chức rà soát, thống kê nhu cầu, phối hợp với các nhà xuất bản và đơn vị phát hành để cung cấp kịp thời, đúng đối tượng.

Xây dựng “Tủ sách dùng chung” và “Thư viện xanh”: huy động sự đóng góp của cộng đồng, phụ huynh, tổ chức xã hội nhằm hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh thuộc diện chính sách được mượn SGK miễn phí; khuyến khích mô hình “SGK luân chuyển” để tiết kiệm và bảo vệ môi trường.

Tập huấn cho giáo viên về nội dung, cấu trúc, phương pháp khai thác SGK mới, đảm bảo sử dụng hiệu quả SGK trong dạy học, gắn với đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động.

Khuyến khích giáo viên nghiên cứu, biên soạn học liệu bổ trợ, thiết kế kế hoạch bài dạy, học liệu điện tử bám sát nội dung SGK, nhưng đồng thời phát huy tính mở, linh hoạt, phù hợp với điều kiện học sinh của trường.

Tổ chức các hoạt động hướng dẫn học sinh sử dụng SGK hiệu quả: biết cách khai thác thông tin, tự học, làm việc nhóm dựa vào SGK và tài liệu tham khảo, góp phần hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu cho học sinh tiểu học.

Phát huy vai trò của tổ/nhóm chuyên môn trong việc sinh hoạt, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm triển khai SGK; thường xuyên đánh giá, điều chỉnh cách khai thác SGK để nâng cao chất lượng dạy học.

c) Phát triển kho học liệu bài giảng minh họa, học liệu điện tử

Xây dựng kho học liệu số nội bộ của nhà trường gồm: bài giảng minh họa, giáo án điện tử, học liệu trực tuyến, video dạy học, đề kiểm tra – đánh giá mẫu... theo từng môn học, từng khối lớp. Tổ chuyên môn chịu trách nhiệm tập hợp, phân loại và cập nhật định kỳ hàng tháng.

Phát huy vai trò của tổ/nhóm chuyên môn trong việc thiết kế bài giảng điện tử, lựa chọn học liệu minh họa phù hợp với chương trình, đặc điểm học sinh và thiết bị hiện có (bảng tương tác, máy chiếu, tivi màn hình lớn).

Ứng dụng công nghệ thông tin và các nền tảng số (Google Drive, Microsoft Teams, LMS...) để lưu trữ, chia sẻ và khai thác học liệu. Mỗi giáo viên có trách nhiệm đóng góp ít nhất 02 bài giảng minh họa/học kỳ vào kho học liệu chung.

Tích hợp học liệu mở và học liệu địa phương: bên cạnh học liệu do Bộ GD&ĐT ban hành, nhà trường khuyến khích giáo viên khai thác các nguồn học liệu mở, sưu tầm tài liệu địa phương (lịch sử, văn hoá, kinh tế – xã hội phường Móng Cái 1) để đưa vào bài học, tạo tính gần gũi, thực tiễn.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng thiết kế học liệu số: thiết kế slide, video bài giảng, sử dụng phần mềm dựng hình, phần mềm tạo câu hỏi trắc nghiệm/ tương tác (Kahoot, Quizizz, Azota...).

Phát triển “Ngân hàng đề kiểm tra và câu hỏi đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực” ở tất cả các môn, nhằm hỗ trợ giáo viên trong kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kỳ.

Khuyến khích giáo viên và học sinh khai thác kho học liệu điện tử trong dạy và học 2 buổi/ngày, đồng thời tăng cường giao nhiệm vụ tự học có hướng dẫn qua hệ thống học liệu số.

Kết nối và chia sẻ học liệu: tham gia kho học liệu của Sở GD&ĐT; đồng thời đóng góp học liệu chất lượng từ nhà trường để lan tỏa trong cụm chuyên môn và toàn ngành.

Đánh giá, cập nhật thường xuyên: mỗi học kỳ, Ban giám hiệu tổ chức rà soát chất lượng học liệu số, loại bỏ nội dung lỗi thời, bổ sung học liệu mới; coi đây là tiêu chí trong đánh giá, xếp loại giáo viên và tổ chuyên môn.

2. Thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ

a) Chuẩn hoá đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

Đảm bảo 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục 2019 và các Thông tư hiện hành; phân

đầu nâng dần tỷ lệ trên chuẩn, trong đó khuyến khích giáo viên học tập nâng cao trình độ sau đại học.

Thực hiện đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng hằng năm theo Thông tư 02/2021/TT-BGDĐT và Thông tư 14/2018/TT-BGDĐT. Kết quả đánh giá là căn cứ để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cá nhân, tổ chuyên môn và toàn trường.

Bố trí, sắp xếp đội ngũ hợp lý, đảm bảo cân đối giữa các khối lớp, môn học; chú trọng khắc phục tình trạng còn thiếu giáo viên chuyên trách các môn đặc thù (Âm nhạc, Giáo dục thể chất, Khoa học – Công nghệ) bằng giải pháp hợp đồng ngắn hạn, đào tạo, bồi dưỡng tại chỗ hoặc đề nghị bổ sung biên chế.

Bồi dưỡng nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ thông qua sinh hoạt chi bộ, công đoàn, các phong trào thi đua; gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo 3 hướng:

(1) Bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch của Bộ, Sở, Phòng GD&ĐT.

(2) Bồi dưỡng theo nhu cầu cá nhân và đặc thù từng tổ chuyên môn.

(3) Bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu đổi mới: dạy học phân hoá, tích hợp, ứng dụng CNTT, chuyên đổi số, thiết kế học liệu điện tử.

Khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên tham gia các lớp tập huấn, hội thảo chuyên đề ở cấp cụm, cấp phường, cấp tỉnh; tham gia mạng lưới giáo viên cốt cán, cụm chuyên môn, cộng đồng học tập trực tuyến.

Đưa nội dung chuẩn hoá đội ngũ vào tiêu chí thi đua hằng năm: mỗi giáo viên, cán bộ quản lý phải có kế hoạch tự bồi dưỡng, tự học; có ít nhất 02 minh chứng đổi mới phương pháp hoặc sử dụng học liệu số trong năm học.

b) Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

Bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

Thực hiện các chương trình bồi dưỡng thường xuyên, bồi dưỡng theo nhu cầu vị trí việc làm; chú trọng cập nhật kiến thức, kỹ năng mới về dạy học phân hoá, tích hợp, tổ chức hoạt động trải nghiệm, STEM.

Cán bộ quản lý, giáo viên tích cực tham gia các lớp tập huấn do Bộ, Sở GD&ĐT tổ chức, đồng thời chủ động tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu đổi mới.

Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá

Khuyến khích giáo viên áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, lấy học sinh làm trung tâm, tăng cường trải nghiệm thực hành, phát triển năng lực tự học và sáng tạo.

Nâng cao năng lực thiết kế, sử dụng học liệu số, khai thác kho học liệu điện tử của nhà trường và của ngành.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, chuyên đề, cụm trường; phát huy vai trò giáo viên cốt cán, chia sẻ kinh nghiệm trong tổ chuyên môn.

Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số

Bồi dưỡng kỹ năng thiết kế bài giảng điện tử, sử dụng phần mềm quản lý lớp học, kiểm tra – đánh giá trực tuyến.

Tối thiểu 70% giáo viên sử dụng thành thạo các công cụ CNTT (Google Workspace, Microsoft Teams, phần mềm dạy học trực tuyến, Azota, Quizizz, Kahoot...).

Xây dựng “tổ chuyên môn số” để chia sẻ tài liệu, học liệu, bài giảng minh họa trên nền tảng trực tuyến của trường.

Phát triển năng lực quản lý cho cán bộ quản lý

Cập nhật kiến thức về quản trị nhà trường hiện đại, quản lý nhân sự theo vị trí việc làm, quản lý chất lượng giáo dục theo chuẩn quốc gia.

Tăng cường năng lực ứng dụng CNTT trong điều hành, sử dụng phần mềm quản lý hồ sơ, thời khoá biểu, điểm danh, sổ điểm điện tử, báo cáo trực tuyến.

Chú trọng năng lực lập kế hoạch, giám sát, đánh giá, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên theo yêu cầu đổi mới.

Khai thác hiệu quả quy định về chế độ làm việc theo Thông tư 05/2025

Bố trí, sử dụng hợp lý quỹ thời gian được giảm định mức tiết dạy để giáo viên tham gia bồi dưỡng chuyên môn, đổi mới phương pháp, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng.

Tổ chức hội thảo, tọa đàm chuyên đề ít nhất 02 lần/năm học để chia sẻ cách vận dụng chế độ làm việc mới vào thực tiễn giảng dạy, quản lý.

Gắn nâng cao năng lực với thi đua, khen thưởng

Đưa tiêu chí đổi mới phương pháp, ứng dụng CNTT, có học liệu điện tử, tham gia bồi dưỡng đầy đủ vào đánh giá, xếp loại giáo viên, CBQL cuối năm.

Khuyến khích, khen thưởng kịp thời giáo viên có sáng kiến kinh nghiệm, bài giảng minh họa chất lượng, hoặc có thành tích trong công tác đổi mới, chuyển đổi số.

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

Thực hiện nghiêm túc nền nếp sinh hoạt chuyên môn theo quy định:

Các tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt định kỳ 2 tuần/lần, đảm bảo đủ thành phần, đúng thời gian, có biên bản ghi chép, báo cáo Ban giám hiệu.

Nội dung sinh hoạt phải thiết thực, gắn với việc thực hiện chương trình GDPT 2018, đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá.

Đổi mới hình thức sinh hoạt chuyên môn:

Chuyển trọng tâm từ hình thức “hành chính” sang “nghiên cứu, thảo luận chuyên môn sâu”.

Tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học (Lesson Study): giáo viên cùng nhau thiết kế – dạy minh họa – dự giờ – phân tích – rút kinh nghiệm.

Ứng dụng công nghệ thông tin: xây dựng nhóm chia sẻ học liệu, kho bài giảng điện tử, diễn đàn trực tuyến để trao đổi chuyên môn, đặc biệt hỗ trợ giáo viên còn hạn chế về CNTT.

Nội dung trọng tâm của sinh hoạt chuyên môn năm học 2025–2026:

Triển khai chương trình và SGK theo đúng kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Thảo luận các giải pháp tổ chức dạy học phân hóa, dạy học tích hợp, tăng cường trải nghiệm.

Chia sẻ kinh nghiệm sử dụng học liệu số, thiết bị dạy học, thư viện điện tử.

Phân tích tình hình học sinh, biện pháp nâng cao chất lượng đại trà và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu.

Tập trung giải quyết những hạn chế thực tế: thiếu GV chuyên biệt (Âm nhạc, GDTC, Khoa học – Công nghệ), cách bố trí, hỗ trợ lẫn nhau giữa các tổ.

Phát huy vai trò của tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn:

Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch sinh hoạt tổ theo tuần, tháng, học kỳ.

Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện chương trình, hồ sơ chuyên môn, nề nếp dạy học của giáo viên.

Định kỳ báo cáo Ban giám hiệu, đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ.

Gắn sinh hoạt chuyên môn với đánh giá giáo viên:

Kết quả sinh hoạt chuyên môn được coi là một tiêu chí trong đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên, đánh giá thi đua cuối năm.

Khuyến khích giáo viên có nhiều đóng góp trong sinh hoạt chuyên môn, có sáng kiến cải tiến phương pháp, ứng dụng CNTT, thiết kế bài giảng minh họa, tham gia xây dựng kho học liệu.

Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường:

Nhà trường phối hợp với các trường trong cụm chuyên môn của thành phố để tổ chức chuyên đề, hội thảo, dự giờ liên trường ít nhất 2 lần/năm học.

Qua đó, tạo cơ hội giao lưu, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên.

3.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần, tháng. (Có phụ lục đi kèm)

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày với 100% số học sinh của trường, mỗi ngày không quá 7 tiết, mỗi tiết 35 phút, mỗi tuần học 10 buổi, có 35 tiết/tuần. (Gồm TA có yếu tố nước ngoài, GDKNS).

Đảm bảo thực hiện đủ, đúng chương trình giáo dục tiểu học. Bố trí thời gian học tập trên lớp, ở nhà; thời gian ăn nghỉ, vui chơi và tham gia các hoạt động xã hội hợp lý, không gây quá tải cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Các hoạt động dạy học, giáo dục bao gồm hoạt động dạy học giáo dục trong giờ học chính khóa và các hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân, chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên bậc học tiếp theo.

3.2. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá

3.2.1. Đổi mới phương pháp dạy học:

Đổi mới phương pháp dạy học trong nhà trường được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong quá trình triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nhằm hướng tới mục tiêu hình thành và phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực học sinh, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

a) Định hướng và nguyên tắc đổi mới

Chuyển đổi tư duy dạy học từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận phát triển năng lực, lấy học sinh làm trung tâm, đảm bảo nguyên tắc: giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn; học sinh là chủ thể tích cực tham gia chiếm lĩnh tri thức.

Kết hợp chặt chẽ giữa dạy chữ, dạy người và dạy nghề; chú trọng hình thành và phát triển năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề, kỹ năng thực hành, phẩm chất trách nhiệm, trung thực, nhân ái.

Đảm bảo tính khoa học, hiện đại, kế thừa và phát huy các phương pháp dạy học truyền thống nhưng được cải tiến để phù hợp với yêu cầu mới; đồng thời mở rộng áp dụng những phương pháp, mô hình tiên tiến, hiện đại.

b) Đa dạng hóa phương pháp và kỹ thuật dạy học

Tăng cường các phương pháp dạy học tích cực:

Dạy học nêu và giải quyết vấn đề: giúp học sinh hình thành tư duy phản biện, biết đặt câu hỏi, biết phân tích và tìm ra hướng giải quyết.

Dạy học hợp tác, theo nhóm: học sinh cùng nhau trao đổi, thảo luận, phân công nhiệm vụ để hoàn thành sản phẩm học tập, qua đó rèn kỹ năng làm việc nhóm và trách nhiệm cá nhân.

Dạy học dự án (Project-based learning): học sinh tham gia giải quyết một nhiệm vụ thực tiễn, qua đó phát triển năng lực tổng hợp, liên môn, vận dụng kiến thức vào đời sống.

Dạy học STEM: tích hợp khoa học – công nghệ – kỹ thuật – toán học trong một hoạt động học tập, giúp học sinh trải nghiệm, sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành và tư duy logic.

Dạy học trải nghiệm – khám phá: tổ chức hoạt động quan sát, thực hành, thí nghiệm, tham quan, dã ngoại... để học sinh tiếp nhận tri thức qua trải nghiệm thực tế.

Linh hoạt áp dụng kỹ thuật dạy học tích cực: “Khăn trải bàn”, “Mảnh ghép”, “Sơ đồ tư duy”, “Bản đồ khái niệm”, “Trình bày 1 phút”, “Trò chơi học tập”, “Hỏi – đáp nhanh”... nhằm tăng hứng thú học tập, phát huy tính chủ động, sáng tạo.

c) Đổi mới hình thức tổ chức dạy học

Tổ chức dạy học trong lớp, ngoài lớp, tại thư viện, phòng thí nghiệm, phòng tin học, phòng nghệ thuật, sân chơi, khu trải nghiệm.

Kết hợp linh hoạt học tập cá nhân – học theo cặp – học theo nhóm – học tập toàn lớp, đảm bảo mỗi học sinh đều được tham gia, thể hiện năng lực.

Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ phù hợp từng lứa tuổi, từ đó gắn kết kiến thức học đường với thực tiễn địa phương.

Đổi mới không gian lớp học theo hướng linh hoạt: sắp xếp bàn ghế thành nhóm, hình chữ U, vòng tròn thảo luận, thay vì cố định theo hàng dọc.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong dạy học

Khuyến khích giáo viên sử dụng sách giáo khoa điện tử, bài giảng e-learning, học liệu số, hệ thống ngân hàng câu hỏi, phần mềm dạy học trực tuyến để nâng cao hiệu quả giờ học.

Tăng cường khai thác hệ thống quản lý học tập (LMS), nền tảng số của Bộ GD&ĐT, học liệu mở nhằm hỗ trợ học sinh học tập mọi lúc, mọi nơi.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để phân tích dữ liệu học tập, hỗ trợ cá nhân hóa việc học, phù hợp với từng đối tượng học sinh (học sinh năng khiếu, học sinh yếu, học sinh khuyết tật học hòa nhập...).

Khuyến khích giáo viên tạo video bài giảng, mô phỏng 3D, sử dụng bảng tương tác, thí nghiệm ảo, thực tế tăng cường (AR), thực tế ảo (VR) để làm bài học sinh động, hấp dẫn, gần gũi.

e) Gắn đổi mới phương pháp dạy học với phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

Trong mỗi bài học, giáo viên cần tích hợp giáo dục đạo đức, kỹ năng sống, ý thức bảo vệ môi trường, an toàn giao thông, tiết kiệm năng lượng, phòng chống tai nạn thương tích.

Chú trọng phát triển tư duy phản biện, kỹ năng giao tiếp, năng lực tự học, tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau.

Phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu ở các lĩnh vực, đồng thời hỗ trợ, kèm cặp học sinh hạn chế về kiến thức, kỹ năng.

f) Cơ chế triển khai và đánh giá

Tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học: tập trung phân tích hoạt động học của học sinh, rút kinh nghiệm để điều chỉnh phương pháp dạy học.

Duy trì hoạt động dự giờ – thăm lớp – hội giảng để giáo viên học hỏi lẫn nhau, lan tỏa điển hình tiên tiến trong đổi mới phương pháp.

Khuyến khích, động viên và khen thưởng kịp thời giáo viên có sáng kiến, giải pháp đổi mới, có bài giảng sáng tạo, hiệu quả cao.

Lấy ý kiến phản hồi từ học sinh, phụ huynh về các hoạt động dạy học để điều chỉnh kịp thời, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả.

3.2.2. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống:

Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học là giải pháp quan trọng nhằm tạo hứng thú, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh, đồng thời gắn việc học tập trong nhà trường với các vấn đề thực tiễn, giúp học sinh vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các tình huống cuộc sống.

a) Đổi mới và đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học trong lớp học

Thực hiện linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học: học cá nhân, học theo cặp, học nhóm nhỏ, học theo lớp. Giáo viên căn cứ vào mục tiêu, nội dung từng bài học để lựa chọn hình thức phù hợp, đảm bảo mọi học sinh đều được tham gia, bày tỏ ý kiến, thể hiện năng lực.

Đổi mới không gian lớp học: sắp xếp bàn ghế linh hoạt thành các nhóm, hình chữ U, vòng tròn thảo luận để tạo môi trường học tập mở, khuyến khích trao đổi, thảo luận, phản biện.

Tăng cường các hoạt động trải nghiệm ngay trong giờ học: thực hành, thí nghiệm, đóng vai, mô phỏng tình huống, thảo luận nhóm, thuyết trình, thiết kế sản phẩm học tập.

b) Mở rộng hình thức tổ chức dạy học ngoài lớp học

Tổ chức dạy học tại thư viện, phòng tin học, phòng nghệ thuật, sân trường, vườn trường; kết hợp giữa lý thuyết và thực hành.

Đưa học sinh đến với thực tế thông qua các buổi tham quan, học tập tại bảo tàng, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, làng nghề truyền thống, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp địa phương. Qua đó, học sinh vừa được trải nghiệm, vừa hiểu thêm về truyền thống văn hóa, lịch sử, kinh tế – xã hội của quê hương, đất nước.

Tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, ngày hội, cuộc thi (ngày hội STEM, ngày hội đọc sách, hội khỏe Phù Đổng, cuộc thi sáng tạo thanh thiếu nhi, vẽ tranh, hùng biện, rung chuông vàng...) nhằm phát huy năng lực, sở trường của học sinh.

c) Tích hợp các hoạt động giáo dục với thực tiễn cuộc sống

Gắn nội dung bài học với các vấn đề thực tiễn như: bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ nguồn nước, an toàn giao thông, sức khỏe học đường, phòng chống tai nạn thương tích, giáo dục giới tính, phòng chống bạo lực học đường.

Tổ chức các dự án học tập gắn với thực tiễn: thiết kế mô hình bảo vệ môi trường, tái chế rác thải, trồng và chăm sóc cây xanh trong trường, xây dựng góc học tập xanh – sạch – đẹp, thực hiện các mô hình “Trường học hạnh phúc”, “Thư viện thân thiện”.

Khuyến khích học sinh vận dụng kiến thức liên môn để giải quyết các tình huống thực tế, từ đó hình thành tư duy tích hợp, kỹ năng phân tích và xử lý vấn đề.

d) Kết hợp giáo dục trong nhà trường với gia đình và xã hội

Tăng cường phối hợp với phụ huynh trong tổ chức hoạt động học tập, trải nghiệm: mời phụ huynh tham gia chia sẻ nghề nghiệp, kỹ năng sống, kinh nghiệm thực tế.

Liên kết với các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp, cơ quan ban ngành tại địa phương để xây dựng hoạt động giáo dục có tính thực tiễn, phong phú, đa dạng, phù hợp điều kiện nhà trường.

Phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong trường (Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên) để tổ chức phong trào thi đua học tập, rèn luyện kỹ năng sống, giáo dục đạo đức và lối sống cho học sinh.

e) Ứng dụng công nghệ thông tin trong đa dạng hóa hình thức dạy học

Kết hợp dạy học trực tiếp với dạy học trực tuyến trên các nền tảng số, hệ thống quản lý học tập (LMS), lớp học ảo (Google Classroom, Microsoft Teams...), đảm bảo tính linh hoạt và hỗ trợ học sinh học tập mọi lúc, mọi nơi.

Tổ chức các lớp học mô phỏng, thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) để học sinh tiếp cận kiến thức một cách sinh động, trực quan, gần gũi với đời sống.

Khuyến khích giáo viên thiết kế, chia sẻ học liệu số, bài giảng e-learning, video dạy học; học sinh được giao nhiệm vụ thực hiện sản phẩm học tập số (clip, bài trình chiếu, infographics, poster...).

f) Triển khai giáo dục STEM:

Mục tiêu: Triển khai hiệu quả hoạt động **giáo dục STEM** trong nhà trường nhằm phát triển năng lực khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học cho học sinh tiểu học, phù hợp với định hướng của Chương trình GDPT 2018.

+ Góp phần đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy phẩm chất, năng lực, tư duy sáng tạo, khả năng hợp tác và giải quyết vấn đề thực tiễn của học sinh.

+ Tăng cường năng lực tổ chức dạy học STEM cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, bảo đảm tính bền vững, hiệu quả và phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường.

Tổ chức dạy học và hoạt động giáo dục STEM: Triển khai tối thiểu 02 chủ đề/học kỳ/lớp (thời lượng căn cứ vào môn học chủ đạo trong các bài học STEM)., đảm bảo có hồ sơ bài dạy, minh chứng, sản phẩm học sinh và báo cáo kết quả.

+ Tích hợp giáo dục STEM trong các môn: Toán, Khoa học, Tự nhiên và Xã hội, Tin học, Mỹ thuật, Hoạt động trải nghiệm,... thông qua các tình huống, bài toán thực tế, mô hình, sản phẩm ứng dụng.

+ Tổ chức Ngày hội STEM cấp trường vào học kỳ II: trưng bày sản phẩm sáng tạo của học sinh, tuyên dương các tập thể, cá nhân tiêu biểu.

+ Phát huy hiệu quả hoạt động của Câu lạc bộ “Em yêu khoa học – sáng tạo”, tạo sân chơi giúp học sinh rèn kỹ năng nghiên cứu, hợp tác, thuyết trình, giải quyết vấn đề.

+ Khuyến khích học sinh vận dụng vật liệu tái chế, nguyên liệu sẵn có tại địa phương (tre, giấy, nhựa, sỏi, cát, que kem, chai lọ, ...) để thực hành chế tạo mô hình, góp phần giáo dục ý thức tiết kiệm và bảo vệ môi trường.

Cơ sở vật chất và học liệu phục vụ giáo dục STEM:

+ Dành nguồn kinh phí từ chi thường xuyên năm 2025 để đầu tư, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, học cụ phục vụ hoạt động STEM: bộ thí nghiệm khoa học, mô hình thực hành, vật liệu chế tạo, bảng tương tác, thiết bị công nghệ thông tin, không gian sáng tạo STEM tại các phòng chức năng.

+ Chuẩn bị điều kiện phòng học, khu trải nghiệm, tủ dụng cụ, nguồn điện, ánh sáng, phương tiện hỗ trợ học sinh thực hành, thí nghiệm.

+ Giáo viên khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn học liệu trực tuyến tại website <https://stemtieuhoc.edu.vn>; đồng thời chủ động sưu tầm, chọn lọc, biên soạn các tài liệu, video, hình ảnh, học liệu mở khác theo quy định của Bộ GD&ĐT, phù hợp lứa tuổi học sinh.

+ Khuyến khích giáo viên ứng dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo (AI) để thiết kế bài học STEM sinh động, tạo sản phẩm học tập kỹ thuật số, mô phỏng quy trình, hỗ trợ học sinh sáng tạo.

Tuyên truyền và nâng cao nhận thức: Tổ chức tuyên truyền sâu rộng tới cán bộ, giáo viên, cha mẹ học sinh và học sinh về vai trò, ý nghĩa và lợi ích của giáo dục STEM trong việc phát triển năng lực toàn diện, định hướng nghề nghiệp sớm.

+ Lồng ghép tuyên truyền trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, chào cờ, hoạt động Đội, hoạt động ngoại khóa, qua các kênh truyền thông của trường (bảng tin, website, fanpage).

Đánh giá và mở rộng: Đánh giá hiệu quả giáo dục STEM dựa trên:

+ Mức độ tham gia và năng lực của giáo viên trong thiết kế, tổ chức hoạt động.

+ Sản phẩm học tập, tiến bộ và năng lực vận dụng của học sinh.

+ Mức độ tham gia, phối hợp giữa nhà trường – phụ huynh – cộng đồng.

+ Tổng hợp báo cáo định kỳ, lưu trữ minh chứng (kế hoạch, sản phẩm, video, hình ảnh) phục vụ kiểm định chất lượng và tham gia các cuộc thi sáng tạo trẻ, hội thi STEM.

* Thông qua triển khai đồng bộ hoạt động giáo dục STEM, Trường Tiểu học Đào Phúc Lộc hướng tới xây dựng môi trường học tập tích cực, hiện đại, khuyến khích học sinh sáng tạo, tự học và ứng dụng kiến thức vào đời sống; đồng thời góp phần thực hiện thành công Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, phù hợp định hướng chuyển đổi số và phát triển năng lực học sinh trong thời đại mới.

h) Đảm bảo hiệu quả và tính bền vững

Thường xuyên đánh giá, rút kinh nghiệm về các hình thức tổ chức dạy học mới, điều chỉnh phù hợp với từng đối tượng học sinh và điều kiện thực tế nhà trường.

Phát huy sáng kiến, kinh nghiệm của giáo viên trong việc đa dạng hóa hình thức dạy học, kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình hay, sáng tạo, hiệu quả.

Lấy ý kiến phản hồi từ học sinh, phụ huynh về các hoạt động học tập, trải nghiệm để có cơ sở cải tiến, đổi mới, đảm bảo tính thực tiễn, hiệu quả, hấp dẫn và gần gũi với học sinh.

3.2.3. Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh:

Đánh giá học sinh tiểu học là một khâu quan trọng trong quá trình dạy học và giáo dục, nhằm cung cấp thông tin phản hồi kịp thời, giúp điều chỉnh hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh. Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực, đảm bảo tính khách quan, toàn diện, công bằng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

a) Nguyên tắc đổi mới đánh giá

Thực hiện đánh giá thường xuyên, định kỳ theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT, chú trọng sự tiến bộ của học sinh.

Kết hợp hài hòa giữa đánh giá vì sự tiến bộ học tập và đánh giá kết quả cuối cùng, coi trọng quá trình hình thành năng lực, phẩm chất hơn là chỉ chú trọng đến điểm số.

Đảm bảo nguyên tắc khách quan, công bằng, công khai, minh bạch, phản ánh đúng năng lực và sự tiến bộ của từng học sinh.

Kết hợp đánh giá của giáo viên, tự đánh giá của học sinh, đánh giá lẫn nhau giữa học sinh, đánh giá của phụ huynh và cộng đồng.

b) Đổi mới hình thức và công cụ đánh giá

Đánh giá thường xuyên:

Thông qua quan sát, trao đổi, hỏi – đáp, nhận xét trong các giờ học; qua sản phẩm học tập, bài tập, hồ sơ học tập (portfolio).

Khuyến khích học sinh tự nhận xét, tự đánh giá quá trình học tập của bản thân và góp ý cho bạn học.

Sử dụng phiếu học tập, phiếu quan sát, bài tập tình huống, câu hỏi mở, dự án nhỏ, thí nghiệm, hoạt động trải nghiệm để đánh giá.

Đánh giá định kỳ:

Tổ chức kiểm tra định kỳ theo quy định, đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu cần đạt của từng môn học, hoạt động giáo dục.

Sử dụng câu hỏi/bài tập phân hóa để đánh giá năng lực học sinh ở nhiều mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng sáng tạo.

Khuyến khích ứng dụng CNTT trong kiểm tra, đánh giá: bài kiểm tra trực tuyến, ngân hàng câu hỏi điện tử, phần mềm trắc nghiệm.

c) Gắn đánh giá với sự phát triển phẩm chất, năng lực học sinh

Đánh giá kết quả học tập gắn với 5 phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và 10 năng lực cốt lõi theo Chương trình GDPT 2018.

Mỗi môn học, hoạt động giáo dục phải xác định rõ yêu cầu cần đạt về năng lực, phẩm chất; kết quả đánh giá phản ánh được mức độ hoàn thành và sự tiến bộ của học sinh.

Tăng cường đánh giá năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, năng lực giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác, giao tiếp.

d) Đổi mới báo cáo kết quả và phản hồi trong đánh giá

Kết hợp nhận xét bằng lời, nhận xét bằng viết với chấm điểm (nếu có), trong đó nhấn mạnh ưu điểm, sự tiến bộ và định hướng khắc phục hạn chế cho học sinh.

Cung cấp thông tin phản hồi kịp thời, thường xuyên đến phụ huynh để phối hợp trong việc hỗ trợ học sinh học tập và rèn luyện.

Sử dụng học bạ điện tử, phần mềm quản lý kết quả học tập để theo dõi, cập nhật, lưu trữ và báo cáo kết quả đánh giá.

e) Tổ chức bồi dưỡng và kiểm tra việc thực hiện đổi mới đánh giá

Bồi dưỡng, tập huấn cho giáo viên về phương pháp xây dựng ma trận đề, kỹ thuật biên soạn câu hỏi/bài tập, kỹ năng nhận xét, đánh giá học sinh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực.

Tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, tập trung trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong việc đổi mới đánh giá.

Ban giám hiệu thường xuyên dự giờ, kiểm tra hồ sơ chuyên môn, học bạ học sinh, các bài kiểm tra để đảm bảo việc thực hiện đánh giá đúng quy định.

Khuyến khích giáo viên ứng dụng sáng kiến, giải pháp đổi mới kiểm tra, đánh giá; kịp thời nhân rộng các mô hình, cách làm hay.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục là giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá và điều hành hoạt động giáo dục; góp phần xây dựng nhà trường thông

minh, hiện đại, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

a) Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và điều hành

Triển khai sử dụng các phần mềm quản lý trường học: quản lý học sinh, quản lý hồ sơ giáo viên, quản lý điểm, quản lý tài sản, quản lý thư viện.

Sử dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, chữ ký số, phần mềm một cửa điện tử để nâng cao hiệu quả, minh bạch trong công tác điều hành, quản trị nhà trường.

Thực hiện báo cáo trực tuyến theo quy định của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT, đảm bảo dữ liệu chính xác, kịp thời, thống nhất.

Khuyến khích cán bộ, giáo viên, nhân viên tăng cường trao đổi công việc qua email, mạng xã hội, các nền tảng số an toàn, giảm thiểu văn bản giấy tờ, tiết kiệm thời gian và chi phí.

b) Ứng dụng CNTT trong dạy học và giáo dục

Khuyến khích giáo viên khai thác và sử dụng sách giáo khoa điện tử, học liệu số, bài giảng e-learning, video minh họa, phần mềm mô phỏng, thí nghiệm ảo để làm phong phú nội dung bài học, tăng tính trực quan và hiệu quả giảng dạy.

Tăng cường triển khai dạy học trực tuyến kết hợp (blended learning) hoặc dạy học trực tuyến toàn phần trong những trường hợp cần thiết; sử dụng các nền tảng dạy học trực tuyến như Microsoft Teams, Google Classroom, Zoom, LMS...

Khuyến khích học sinh sử dụng CNTT để tự học, tự nghiên cứu: tìm kiếm thông tin, thực hiện bài tập trực tuyến, thiết kế sản phẩm học tập số (slide, poster, infographic, video, mô hình 3D...).

Phát triển kỹ năng số cho học sinh thông qua các hoạt động trải nghiệm, câu lạc bộ tin học, các cuộc thi về lập trình, sáng tạo robot, thiết kế phần mềm đơn giản.

c) Đẩy mạnh chuyển đổi số trong kiểm tra, đánh giá

Từng bước áp dụng hình thức kiểm tra, đánh giá trực tuyến, thông qua hệ thống ngân hàng câu hỏi, phần mềm trắc nghiệm, bài tập tình huống, dự án học tập.

Lưu trữ kết quả học tập của học sinh trên hệ thống học bạ điện tử, đồng bộ dữ liệu với hệ thống quản lý của ngành giáo dục.

Khuyến khích giáo viên xây dựng ma trận đề, câu hỏi/bài tập điện tử, phân loại theo các mức độ nhận thức (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao), tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, đánh giá chính xác, khách quan.

Thực hiện phản hồi, nhận xét, đánh giá học sinh thông qua hệ thống trực tuyến, tạo kênh kết nối hiệu quả giữa giáo viên – học sinh – phụ huynh.

d) Xây dựng và phát triển kho học liệu số của nhà trường

Tổ chức xây dựng, cập nhật, chia sẻ kho học liệu số (giáo án điện tử, bài giảng minh họa, đề kiểm tra, câu hỏi trắc nghiệm, sản phẩm dạy học của giáo viên).

Khuyến khích giáo viên tham gia xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra theo từng khối lớp, môn học; lưu trữ, quản lý trên nền tảng số để sử dụng lâu dài.

Hướng dẫn học sinh khai thác kho học liệu mở (bài giảng, video, tài liệu tham khảo) một cách an toàn, khoa học, tránh lạm dụng Internet và các nguồn thông tin không chính thống.

e) Nâng cao năng lực ứng dụng CNTT và chuyển đổi số cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý

Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn thường xuyên cho giáo viên, cán bộ quản lý về kỹ năng số, phương pháp thiết kế bài giảng điện tử, ứng dụng công cụ trực tuyến trong dạy học, kỹ năng quản lý dữ liệu số.

Khuyến khích giáo viên tự học, tự nghiên cứu, chia sẻ kinh nghiệm trong việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số.

Xây dựng đội ngũ giáo viên nòng cốt có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc sử dụng công nghệ mới.

f) Phát triển hạ tầng kỹ thuật và bảo đảm an toàn thông tin

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp trang thiết bị CNTT: máy tính, máy chiếu, bảng tương tác, hệ thống wifi phủ sóng toàn trường, thiết bị dạy học thông minh.

Xây dựng hệ thống mạng nội bộ, đảm bảo tốc độ đường truyền ổn định, đáp ứng nhu cầu giảng dạy và quản lý trực tuyến.

Thực hiện các biện pháp bảo mật, an toàn thông tin, phòng chống tấn công mạng; giáo dục học sinh kỹ năng sử dụng Internet an toàn, văn minh, hiệu quả.

5. Công tác truyền thông

Công tác truyền thông giáo dục có vai trò quan trọng trong việc quảng bá hình ảnh, thương hiệu nhà trường; lan tỏa những giá trị tốt đẹp của ngành giáo dục; đồng thời tạo sự đồng thuận, ủng hộ của phụ huynh, cộng đồng và xã hội đối với các hoạt động giáo dục. Vì vậy, trong năm học, nhà trường tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ sau:

a) Mục tiêu công tác truyền thông

Tăng cường tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo của ngành giáo dục đến cán bộ, giáo viên, học sinh và phụ huynh.

Giới thiệu, lan tỏa các thành tích, mô hình, gương điển hình tiên tiến trong dạy học và giáo dục của nhà trường.

Góp phần nâng cao uy tín, thương hiệu, xây dựng hình ảnh nhà trường thân thiện, năng động, sáng tạo, phát triển bền vững.

b) Nội dung truyền thông

Tuyên truyền, phổ biến Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT và kế hoạch của nhà trường đến phụ

huynh, học sinh và cộng đồng.

Thông tin kịp thời các hoạt động dạy học, giáo dục, hoạt động trải nghiệm, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, công tác chuyển đổi số, hoạt động từ thiện – nhân đạo.

Nêu gương các tập thể, cá nhân tiêu biểu, điển hình tiên tiến, giáo viên sáng tạo, học sinh chăm ngoan, đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện.

Phản ánh đầy đủ, minh bạch, chính xác kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học, những đổi mới, cải tiến trong dạy học và quản lý giáo dục.

c) Hình thức và kênh truyền thông

Truyền thông trực tiếp: thông qua họp hội đồng sư phạm, họp phụ huynh, sinh hoạt chuyên môn, sinh hoạt dưới cờ, các buổi tọa đàm, hội thảo, tập huấn.

Truyền thông trên nền tảng số:

Duy trì, cập nhật thường xuyên trang Website chính thức của nhà trường.

Quản lý, phát triển fanpage, nhóm Zalo/Facebook chính thống của trường và các lớp, đảm bảo tính chính xác, kịp thời, thân thiện, an toàn.

Khuyến khích giáo viên xây dựng video bài giảng, clip ngắn giới thiệu hoạt động, sản phẩm học sinh, đăng tải lên các kênh truyền thông của trường.

Truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình địa phương: phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí để đưa tin, phóng sự về những sự kiện, hoạt động tiêu biểu của nhà trường.

Truyền thông qua băng rôn, khẩu hiệu, pano, bảng tin tại khuôn viên trường học và các địa điểm công cộng khi có sự kiện lớn.

d) Tăng cường phối hợp trong công tác truyền thông

Phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh để truyền tải thông tin hai chiều, kịp thời giải đáp thắc mắc, tạo sự đồng thuận trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

Liên kết với chính quyền địa phương, đoàn thể, tổ chức xã hội nhằm lan tỏa hình ảnh, đóng góp của nhà trường trong phát triển giáo dục và cộng đồng.

Khuyến khích học sinh và phụ huynh tham gia lan tỏa các hoạt động ý nghĩa của nhà trường trên các phương tiện truyền thông xã hội, góp phần tạo hiệu ứng tích cực trong cộng đồng.

e) Đảm bảo tính hiệu quả, an toàn và bền vững trong truyền thông

Thực hiện truyền thông khoa học, chính xác, khách quan, công khai, minh bạch; đảm bảo mọi thông tin đăng tải đều được kiểm duyệt, tránh sai sót, gây hiểu lầm.

Quản lý, giám sát các kênh truyền thông của trường; nâng cao ý thức của giáo viên, học sinh, phụ huynh về an toàn, bảo mật thông tin, đạo đức số và văn hóa ứng xử trên mạng.

Thường xuyên sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, điều chỉnh cách thức truyền thông phù hợp với từng giai đoạn, hoàn cảnh.

Có cơ chế khuyến khích, biểu dương, khen thưởng giáo viên, học sinh, phụ huynh có đóng góp tích cực cho công tác truyền thông.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban giám hiệu nhà trường:

Để đảm bảo Kế hoạch giáo dục nhà trường được triển khai đồng bộ, hiệu quả, toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh nghiêm túc thực hiện theo sự phân công, nhà trường xác định nhiệm vụ cụ thể như sau:

1.1. Hiệu trưởng:

Chịu trách nhiệm chung trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện toàn bộ Kế hoạch giáo dục nhà trường.

Xây dựng lộ trình triển khai, ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận.

Trực tiếp kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ, sơ kết, tổng kết việc thực hiện kế hoạch; kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

Tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, để huy động nguồn lực hỗ trợ nhà trường.

1.2. Phó hiệu trưởng:

Giúp Hiệu trưởng điều hành các hoạt động giáo dục theo phân công: phụ trách chuyên môn, cơ sở vật chất, công tác đoàn thể, công tác bán trú, hoạt động trải nghiệm...

Phối hợp với tổ trưởng chuyên môn, các bộ phận liên quan trong việc tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá, bồi dưỡng đội ngũ, quản lý học sinh.

Báo cáo Hiệu trưởng định kỳ, tham mưu giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện.

1.3. Các tổ chuyên môn

Chủ động xây dựng kế hoạch dạy học chi tiết của tổ, bám sát Kế hoạch giáo dục nhà trường.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn định kỳ theo hướng nghiên cứu bài học, tập trung trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nâng cao năng lực ứng dụng CNTT, đổi mới phương pháp dạy học, xây dựng học liệu số.

Phối hợp tổ chức các chuyên đề, hội giảng, thao giảng, hội thi giáo viên giỏi, học sinh giỏi; rút kinh nghiệm và nhân rộng mô hình hiệu quả.

1.4. Giáo viên chủ nhiệm

Lập kế hoạch giáo dục lớp, quản lý toàn diện học sinh lớp mình phụ trách.

Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm, hoạt động hướng nghiệp (nếu có) theo đúng định hướng, chủ điểm của nhà trường.

Phối hợp với giáo viên bộ môn, phụ huynh học sinh trong quản lý, giáo dục học sinh; kịp thời nắm bắt tâm lý, hoàn cảnh, diễn biến tư tưởng, học tập của học sinh để có biện pháp hỗ trợ phù hợp.

Thường xuyên trao đổi thông tin với phụ huynh, báo cáo kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, động viên kịp thời để tạo động lực học tập.

1.5. Giáo viên bộ môn

Thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch dạy học; đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá; chú trọng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn theo tuần, tháng, học kỳ; đảm bảo đủ số tiết, đúng tiến độ, đúng quy định.

Ứng dụng CNTT, khai thác học liệu số, sách giáo khoa điện tử, phương tiện dạy học hiện đại để nâng cao chất lượng giờ dạy.

Tham gia đầy đủ các hoạt động sinh hoạt chuyên môn, hội thảo, hội giảng, thao giảng do tổ và nhà trường tổ chức.

1.6. Nhân viên

Thực hiện tốt nhiệm vụ theo vị trí việc làm: văn thư, kế toán, thiết bị, y tế học đường, thư viện, bảo vệ, phục vụ... đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, an toàn, vệ sinh, môi trường giáo dục.

Phối hợp với giáo viên, Ban giám hiệu trong công tác hỗ trợ dạy học, chăm sóc học sinh, quản lý tài sản, thiết bị dạy học.

Tham gia đầy đủ các phong trào, hoạt động tập thể do nhà trường và địa phương tổ chức.

1.7. Tổ chức Đoàn – Đội và các đoàn thể trong nhà trường

Chi bộ Đảng: Lãnh đạo toàn diện mọi hoạt động giáo dục, chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Công đoàn: Phối hợp cùng chính quyền chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, quyền lợi chính đáng của cán bộ, giáo viên, nhân viên; phát động phong trào thi đua “Dạy tốt – Học tốt”.

Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh: Tổ chức hoạt động phong trào, giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, xây dựng môi trường học đường thân thiện, an toàn, hạnh phúc.

1.8. Học sinh và phụ huynh học sinh

Học sinh: Có trách nhiệm thực hiện tốt nội quy trường, lớp; tích cực học tập, rèn luyện; tham gia đầy đủ các hoạt động giáo dục, trải nghiệm; phát huy tinh thần tự giác, hợp tác, sáng tạo.

Phụ huynh: Phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc quản lý, giáo dục học sinh; thường xuyên trao đổi thông tin với giáo viên chủ nhiệm và nhà trường; tạo môi trường thuận lợi tại gia đình để con em học tập, rèn luyện tốt.

1.9. Công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá

Ban giám hiệu định kỳ kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của các tổ, cá nhân; tổ chức sơ kết giữa năm, tổng kết cuối năm, rút kinh nghiệm và điều chỉnh cho phù hợp.

Thực hiện công khai minh bạch kết quả đánh giá, xếp loại; kịp thời khen thưởng tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; nhắc nhở, phê bình những trường hợp chưa thực hiện tốt.

Đưa tiêu chí thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường vào đánh giá thi đua hàng tháng, học kỳ, năm học của giáo viên, tổ chuyên môn và các bộ phận.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026 của trường Tiểu học Đào Phúc Lộc. Căn cứ các nội dung trong kế hoạch, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường nghiêm túc triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị có ý kiến kịp thời về Ban giám hiệu nhà trường để được hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND phường Móng Cái 1 (báo cáo);
- Các tổ khối chuyên môn, GV, NV (thực hiện);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Cao Thị Hoa

Bảng phân phối chương trình lớp 3 - Học kỳ 1

Môn/ Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	Tổng thời lượng	
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	126
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	90
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Nghệ thuật (ÂN, MT)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	54
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	18
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	72
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	504
TC Tiếng Việt	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	34
TC Toán	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	36
Tiết đọc thư viện							1					1								2
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	578

Bảng phân phối chương trình lớp 3 - Học kỳ 2(Nghỉ lễ giỗ tổ, 30/4,1/5)

Môn/ Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	9	7	7	5	7	7	7	119
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	7	5	5	3	5	5	5	85
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
TNXH	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	1	2	2	2	34
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	2	1	2	2	2	34
Nghệ thuật (ÂN, MT)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	34
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4	2	3	3	3	51
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	0	1	1	1	17
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	0	1	1	1	17
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	6	4	2	4	4	4	68
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	28	28	28	28	28	28	28	28	28	28	32	32	31	17	28	28	28	465
TC Tiếng Việt	2	2	2	1	2	2	2	2	2	1	0	0	0	2	2	2	2	32

Bảng phân phối chương trình lớp 5 - Học kỳ 2

Môn/ Tuần	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	Tổng thời lượng
Tiếng Việt	7	7	7	7	7	7	7	7	7	7	9	7	7	5	7	7	7	119
Toán	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	7	5	5	3	5	5	5	85
Đạo đức	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	0	1	1	1	17
LSĐL	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	1	2	2	2	34
Khoa học	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	4	2	2	0	2	2	2	34
GDTC	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	3	2	1	2	2	2	34
Âm nhạc	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	0	1	1	1	17
Mĩ Thuật	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	0	1	1	1	17
HĐTN	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4	2	3	3	3	51
Tin học	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	0	1	1	1	17
Công nghệ	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	0	1	1	1	17
Tiếng Anh	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	6	4	2	4	4	4	68
Tổng số tiết bắt buộc/tuần	30	30	30	30	30	30	30	30	30	30	36	35	35	14	30	30	30	510
TC Toán	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	17
TC Tiếng Việt	1	1	0	1	1	1	0	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	15
Tiết đọc thư viện			1				1											2
GD STEM	1	1																2
Tổng số tiết/tuần	32	32	32	32	32	32	32	32	32	32	38	37	37	16	32	32	32	544